

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 41
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Phan Trọng Tuệ, Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch	
Ông: Văn Hồng Sơn	Thành viên	
Ông: Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025)
Bà: Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Văn Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nghiêm Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Mạch	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thị Sơn	Thành viên
Ông: Nguyễn Xuân Long	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Văn Hồng Sơn - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ .

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc ✓



Văn Hồng Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2025

Số: 070825.001/BCTC.KT7

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được lập ngày 06 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Công ty đã thực hiện các thủ tục khởi kiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4 theo Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT ngày 03/01/2024 nhằm yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư mà Công ty đã triển khai dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa với Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đã thực chi đầu tư dự án đến ngày 30/06/2025 là 24,416 tỷ VND (Chi tiết tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 37 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Ngày 05/03/2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT về việc Thông qua rút đơn khởi kiện Công ty HUD4 và văn bản chuẩn bị cho việc ký biên bản ghi nhớ thuê đất để triển khai dự án di dời nhà máy và phát triển Công ty. Hiện tại, Công ty đã nhận được Quyết định số 05/2025/QĐST-KDTM của Tòa án thị xã Bim Sơn về việc quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 20/TB-TLVA ngày 23/12/2024. Các hồ sơ, tài liệu đã thu thập chưa cung cấp cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá được khả năng tiếp tục triển khai dự án và các khoản tổn thất cần ghi nhận liên quan đến Khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng chưa ghi nhận thu nhập đối với số tiền nhận bồi thường còn thừa 9,43 tỷ VND từ việc bồi thường giá trị đất từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4 (Chi tiết tại Thuyết minh số 20 của Báo cáo tài chính).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		892.109.378.312	1.032.052.328.537
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	371.767.166.449	399.246.076.091
111	1. Tiền		171.767.166.449	169.246.076.091
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	230.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	365.684.860.441	165.684.860.441
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		365.684.860.441	165.684.860.441
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.797.206.021	12.428.842.563
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	9.936.423.444	1.870.285.253
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	5.163.672.080	7.553.311.975
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	8.537.181.750	4.866.316.588
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.840.071.253)	(1.861.071.253)
140	IV. Hàng tồn kho	09	132.060.958.757	440.916.580.657
141	1. Hàng tồn kho		132.060.958.757	440.916.580.657
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		799.186.644	13.775.968.785
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	405.523.771	13.429.631.912
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		346.336.873	346.336.873
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	47.326.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		40.977.412.945	39.944.204.476
220	I. Tài sản cố định		7.346.039.295	8.700.131.745
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.148.971.986	7.366.891.100
222	- Nguyên giá		190.292.463.216	190.292.463.216
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(184.143.491.230)	(182.925.572.116)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	1.180.561.935	1.313.401.935
225	- Nguyên giá		1.594.080.000	1.594.080.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(413.518.065)	(280.678.065)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	16.505.374	19.838.710
228	- Nguyên giá		34.672.662.000	34.672.662.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.656.156.626)	(34.652.823.290)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	10	27.680.303.162	25.039.578.740
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		27.680.303.162	25.039.578.740
260	III. Tài sản dài hạn khác		5.951.070.488	6.204.493.991
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.431.349.535	1.684.773.038
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33	4.519.720.953	4.519.720.953
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>933.086.791.257</u>	<u>1.071.996.533.013</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		381.506.833.920	550.814.975.791
310	I. Nợ ngắn hạn		380.930.155.233	550.122.961.366
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	53.113.682.124	17.458.084.896
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	205.325.450.887	33.227.231.896
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	19.581.662.967	2.032.734.391
314	4. Phải trả người lao động		62.043.747.839	24.082.198.278
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	12.026.287.493	5.098.455.222
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	11.525.125.749	452.596.020.874
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	230.671.476	230.671.476
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	10.418.000.000	12.751.718.757
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.665.526.698	2.645.845.576
330	II. Nợ dài hạn		576.678.687	692.014.425
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	576.678.687	692.014.425
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		551.579.957.337	521.181.557.222
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	551.579.957.337	521.181.557.222
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		376.653.480.000	376.653.480.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		376.653.480.000	376.653.480.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		95.742.960.293	77.474.441.928
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.281.900.000	3.281.900.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		75.901.617.044	63.771.735.294
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.480.987.807	2.876.674.076
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		74.420.629.237	60.895.061.218
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		933.086.791.257	1.071.996.533.013

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Sen

Tổng Giám đốc



Văn Hồng Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.028.753.382.333	809.832.093.399
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		120.528.250	20.989.500
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.028.632.854.083	809.811.103.899
11	4. Giá vốn hàng bán	25	818.281.976.145	639.709.825.087
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		210.350.877.938	170.101.278.812
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	11.723.424.974	2.789.981.041
22	7. Chi phí tài chính	27	986.936.690	1.956.410.623
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		39.250.490	47.106.223
25	8. Chi phí bán hàng	28	99.486.311.296	118.820.496.627
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	28.591.696.479	20.448.900.091
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.009.358.447	31.665.452.512
31	11. Thu nhập khác	30	16.858.514	20.619.447
32	12. Chi phí khác	31	530.513	-
40	13. Lợi nhuận khác		16.328.001	20.619.447
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		93.025.686.448	31.686.071.959
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	18.605.057.211	6.337.214.392
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>74.420.629.237</u>	<u>25.348.857.567</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	<u>1.976</u>	<u>673</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Sen

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



Văn Hồng Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		93.025.686.448	31.686.071.959
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(12.684.800.791)	844.620.493
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.354.092.450	1.883.677.692
03	- Các khoản dự phòng		(2.354.718.757)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(55.205.019)	(15.654.894)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.668.219.955)	(1.070.508.528)
06	- Chi phí lãi vay		39.250.490	47.106.223
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		80.340.885.657	32.530.692.452
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.576.824.458)	(51.022.327.022)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		308.855.621.900	144.724.181.493
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(183.868.086.189)	32.627.701.525
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		13.277.531.644	(4.012.952.246)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(39.250.490)	(47.106.223)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.615.739.520)	(17.568.864.574)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.337.200.000)	(2.101.550.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		206.036.938.544	135.129.775.405
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.670.399.422)	(661.278.039)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(200.000.000.000)	(100.000.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.880.029.955	149.068.528
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(195.790.369.467)	(100.512.209.511)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
35	1. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(115.335.738)	(115.335.738)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(37.665.348.000)	(37.665.348.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(37.780.683.738)	(37.780.683.738)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(27.534.114.661)	(3.163.117.844)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã CHỈ TIÊU số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		399.246.076.091	87.082.493.728
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		55.205.019	15.654.894
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>371.767.166.449</u>	<u>83.935.030.778</u>

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thùy Dương

Nguyễn Thị Sen

Văn Hồng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Phan Trọng Tuệ, Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 376.653.480.000 VND; tương đương 37.665.348 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 346 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 346 người).

Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh phân lân nung chảy và phân bón NPK.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh phân lân nung chảy, các loại phân bón khác, bao bì;
- Xuất khẩu phân lân nung chảy và phân bón khác;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Trong 06 tháng đầu năm 2025, do biến động của giá bán cũng như nhu cầu của thị trường phân bón, doanh thu thuần của Công ty đã đạt mức 1.028,63 tỷ VND, tăng khoảng 27,03% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, chi phí vận chuyển, bốc xếp, thuê kho giảm 20 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước do trong mùa vụ Hè Thu 2025 không còn hàng ký gửi trước mùa vụ nữa. Ngoài ra, doanh thu tài chính tăng 9 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước đến từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ tiền nhân rồi. Kết quả, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng mạnh đạt 93,025 tỷ VND, tăng 193,59% so với cùng kỳ năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong Công ty được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ căn cứ theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Bản quyền sáng chế	02 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí vận chuyển: Là chi phí vận chuyển tương ứng đối với lượng hàng gửi bán đã vận chuyển tới các địa điểm thuê kho và được phân bổ vào chi phí khi bán cho khách hàng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 03 năm.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

2.19. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	12.008.464	411.574.759
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	171.755.157.985	168.834.501.332
Các khoản tương đương tiền (*)	200.000.000.000	230.000.000.000
	371.767.166.449	399.246.076.091

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có giá trị 200.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3 %/năm đến 4,4 %/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	365.684.860.441	-	165.684.860.441	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	365.684.860.441	-	165.684.860.441	-
	365.684.860.441	-	165.684.860.441	-

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 365.684.860.441 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5 %/năm đến 4,8 %/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	9.936.423.444	(1.840.071.253)	1.870.285.253	(1.861.071.253)
- Công ty TNHH Dịch vụ Tân An	1.607.565.500	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Khải Huyền	5.968.547.324	-	-	-
- Hoàng Văn Định	903.995.200	(903.995.200)	924.995.200	(924.995.200)
- Các khách hàng khác	1.456.315.420	(936.076.053)	945.290.053	(936.076.053)
	9.936.423.444	(1.840.071.253)	1.870.285.253	(1.861.071.253)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	920.324.215	-	920.324.215	-
- Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	920.324.215	-	920.324.215	-
Bên khác	4.243.347.865	-	6.632.987.760	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Dịch vụ Minh Hiếu	-	-	4.883.726.910	-
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam	1.840.655.015	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông Đô 9-BQP	487.000.000	-	-	-
- Công ty cổ phần CKP	446.148.000	-	-	-
- Báo Nông nghiệp Việt Nam	408.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mỏ	324.599.850	-	324.599.850	-
- Tổng Công ty Tư vấn và Xây dựng Việt Nam	74.770.000	-	74.770.000	-
- Các đối tượng khác	662.175.000	-	1.349.891.000	-
	5.163.672.080	-	7.553.311.975	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	7.369.510.000	-	2.581.320.000	-
- Phải thu tạm ứng	632.365.147	-	1.475.597.225	-
- Ký cược, ký quỹ	192.000.000	-	192.000.000	-
- Phải thu khác	343.306.603	-	617.399.363	-
	8.537.181.750	-	4.866.316.588	-

8. NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Phải thu khách hàng	1.840.071.253	-	1.861.071.253	-
Hoàng Văn Định	903.995.200	-	924.995.200	-
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Bình Dương (*)	377.625.324	-	377.625.324	-
Ban kinh tế - xã hội Hội nông dân tỉnh Thái Nguyên	351.831.332	-	351.831.332	-
Các đối tượng khác	206.619.397	-	206.619.397	-
	1.840.071.253	-	1.861.071.253	-

(*) Công ty khởi kiện Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Bình Dương ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Theo Bản án số 13/2017/KDTM-PT ngày 26/5/2017, Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên án Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Bình Dương phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển với số tiền nợ gốc là 546.977.261 VND; số tiền lãi phát sinh là 1.053.020.316 VND. Sau khi trả một phần nợ gốc, đến nay, Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Bình Dương chưa thanh toán phần tiền gốc còn lại và phần tiền lãi phát sinh cho Công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	106.143.119.688	-	132.707.050.688	-
- Công cụ, dụng cụ	993.876.660	-	974.062.411	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.171.512.391	-	37.809.743.541	-
- Thành phẩm	21.752.450.018	-	269.425.724.017	-
	132.060.958.757	-	440.916.580.657	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- <i>Mua sắm</i>	431.000.000	35.000.000
+ Công trình cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy	431.000.000	35.000.000
- <i>Xây dựng cơ bản</i>	24.416.823.740	25.004.578.740
+ Dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển (*)	24.416.823.740	25.004.578.740
- <i>Sửa chữa lớn</i>	2.832.479.422	-
	27.680.303.162	25.039.578.740

(*) Dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển được phê duyệt theo quyết định số 01/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2015 của Đại hội đồng Cổ đông, với thông tin cụ thể như sau:

- Địa điểm xây dựng: Khu B, Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Mục đích xây dựng: sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK;
- Tổng mức đầu tư: 1.291.619.455.265 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai công trình và dự kiến hoàn thành: Dự kiến thực hiện từ quý IV/2015 và hoàn thành trong quý II/2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 27/04/2019, chấp thuận cho Công ty tiếp tục giãn tiến độ thực hiện Dự án;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 30/06/2025: Dự án đang thực hiện hạng mục san nền và đã tạm dừng thi công do vướng mắc giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4 liên quan đến hợp đồng thuê đất. Ngày 03/01/2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT về việc Thông qua chủ trương tiếp tục khởi kiện HUD, yêu cầu bồi thường phần chi phí đầu tư mà Công ty đã triển khai thực hiện dự án này. Hiện tại vụ án tạm đình chỉ giải quyết (Theo Quyết định số: 05/2025/QĐST-KDTM, ngày 21/3/2025 về việc quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 20/TB-TLVA ngày 23/12/2024; chờ cấp có thẩm quyền giải quyết). Ngày 05/03/2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT về việc Thông qua rút đơn khởi kiện Công ty HUD4 và văn bản chuẩn bị cho việc ký biên bản ghi nhớ thuê đất để triển khai dự án di dời nhà máy và phát triển Công ty (Chi tiết tại thuyết minh số 37).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	59.020.079.940	85.242.603.368	44.661.851.114	1.367.928.794	190.292.463.216
Số dư cuối kỳ	59.020.079.940	85.242.603.368	44.661.851.114	1.367.928.794	190.292.463.216
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	58.958.214.697	81.903.411.043	40.700.388.347	1.363.558.029	182.925.572.116
- Khấu hao trong kỳ	30.932.604	601.245.281	581.370.464	4.370.765	1.217.919.114
Số dư cuối kỳ	58.989.147.301	82.504.656.324	41.281.758.811	1.367.928.794	184.143.491.230
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	61.865.243	3.339.192.325	3.961.462.767	4.370.765	7.366.891.100
Tại ngày cuối kỳ	30.932.639	2.737.947.044	3.380.092.303	-	6.148.971.986

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 176.691.905.648 VND.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	1.594.080.000	1.594.080.000
Số dư cuối kỳ	<u>1.594.080.000</u>	<u>1.594.080.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	280.678.065	280.678.065
- Khấu hao trong kỳ	132.840.000	132.840.000
Số dư cuối kỳ	<u>413.518.065</u>	<u>413.518.065</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	1.313.401.935	1.313.401.935
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.180.561.935</u>	<u>1.180.561.935</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	bằng sáng chế (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	34.193.162.000	479.500.000	34.672.662.000
Số dư cuối kỳ	<u>34.193.162.000</u>	<u>479.500.000</u>	<u>34.672.662.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	34.193.162.000	459.661.290	34.652.823.290
- Khấu hao trong kỳ	-	3.333.336	3.333.336
Số dư cuối kỳ	<u>34.193.162.000</u>	<u>462.994.626</u>	<u>34.656.156.626</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	19.838.710	19.838.710
Tại ngày cuối kỳ	-	<u>16.505.374</u>	<u>16.505.374</u>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.652.662.000 VND.

(*) Bản quyền, bằng sáng chế được đánh giá ghi nhận, tăng năm 2009 (tại thời điểm cổ phần hóa xác định giá trị doanh nghiệp) gồm:

- Bằng độc quyền sáng chế số 1991 do Cục Sở hữu Công nghiệp thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp, với tên sáng chế là Lò cao sản xuất phân lân nung; Chủ bằng: Công ty Phân lân Nung chảy Văn điển; Tác giả: Bùi Quang Lanh và Nguyễn Văn Việt. Được cấp ngày 12/4/2001, có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 20 năm.
- Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 265 do Cục Sở hữu Công nghiệp thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp, với Tên sáng chế là "Thiết bị và Phương pháp sàng rửa phân loại nguyên liệu"; Chủ bằng: Công ty Phân lân Nung chảy Văn điển; Tác giả: Bùi Quang Lanh và Nguyễn Văn Việt. Được cấp ngày 09/8/2001, có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí vận chuyển của hàng chưa tiêu thụ	-	12.735.557.640
- Chi phí lắp đặt biển quảng cáo	271.440.000	492.517.742
- Các khoản khác	134.083.771	201.556.530
	405.523.771	13.429.631.912
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	885.892.282	805.476.697
- Các khoản khác	545.457.253	879.296.341
	1.431.349.535	1.684.773.038

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng			Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	Tăng	Giảm	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Nợ dài hạn đến hạn trả	230.671.476	230.671.476	115.335.738	115.335.738	230.671.476	230.671.476
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	230.671.476	230.671.476	115.335.738	115.335.738	230.671.476	230.671.476
	230.671.476	230.671.476	115.335.738	115.335.738	230.671.476	230.671.476
b) Vay dài hạn						
- Nợ thuê tài chính dài hạn	922.685.901	922.685.901	-	115.335.738	807.350.163	807.350.163
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	922.685.901	922.685.901	-	115.335.738	807.350.163	807.350.163
	922.685.901	922.685.901	-	115.335.738	807.350.163	807.350.163
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(230.671.476)	(230.671.476)	(115.335.738)	(115.335.738)	(230.671.476)	(230.671.476)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	692.014.425	692.014.425			576.678.687	576.678.687

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

- (1) Khoản nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.159/2023/TSC-CTTC ngày 05/12/2023 về việc thuê tài sản là 01 xe ô tô con Toyota Camry 2.5Q với thời hạn là 60 tháng. Lãi suất cho vay điều chỉnh theo thông báo của bên cho thuê.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Bên liên quan	20.205.548.518	20.205.548.518	5.823.553.611	5.823.553.611
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	14.722.778.398	14.722.778.398	3.338.038.263	3.338.038.263
- Công ty TNHH Hoàng Ngân	5.482.770.120	5.482.770.120	2.485.515.348	2.485.515.348
Bên khác	32.908.133.606	32.908.133.606	11.634.531.285	11.634.531.285
- Công ty TNHH LOGISTICS Long Bình	6.855.480.911	6.855.480.911	1.365.128.369	1.365.128.369
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Dịch vụ Minh Hiếu	5.418.495.669	5.418.495.669	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Tân An	4.293.000.000	4.293.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Xuân Mai	1.295.506.240	1.295.506.240	347.545.000	347.545.000
- Công ty Cổ phần Đại Hữu	3.523.494.660	3.523.494.660	2.435.916.920	2.435.916.920
- Đối tượng khác	11.522.156.126	11.522.156.126	7.485.940.996	7.485.940.996
	53.113.682.124	53.113.682.124	17.458.084.896	17.458.084.896

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	72.286.818.900	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoá chất Miền Nam	35.398.698.900	-
- Công ty TNHH Hoàng Ngân	36.888.120.000	-
Bên khác	133.038.631.987	33.227.231.896
- Công ty TNHH Kinh doanh Đầu tư Phát triển Hoàng Phát	35.417.340.720	-
- Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	30.380.095.635	-
- Công ty TNHH LOGISTICS Long Bình	20.895.433.500	-
- Công ty TNHH MTV Ngọc Vy	14.256.935.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông Nghiệp Bình Thuận	-	8.019.500.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	9.318.130.000	4.499.250.000
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nghĩa Phát	9.761.919.311	101.218.414
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đặng Chấn	1.453.700.735	-
- Trần Thị Dung	-	7.404.016.545
- Các khách hàng khác	11.555.077.086	13.203.246.940
	205.325.450.887	33.227.231.896

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	16.618.041	350.878.585	65.041.783	-	302.454.843
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	508.437.220	508.437.220	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.763.568.367	18.605.057.211	5.615.739.520	-	14.752.886.058
- Thuế thu nhập cá nhân	-	248.467.223	1.206.955.469	1.276.956.666	-	178.466.026
- Thuế tài nguyên	-	4.080.760	28.410.720	28.795.440	-	3.696.040
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.344.160.000	-	-	4.344.160.000
- Các loại thuế khác	-	-	1.500.000	3.000.000	1.500.000	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	45.826.000	91.652.000	45.826.000	-
	-	2.032.734.391	25.091.225.205	7.589.622.629	47.326.000	19.581.662.967

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trích trước tiền chiết khấu khách hàng	-	1.837.775.500
- Trích trước thưởng sáng kiến	2.000.000.000	838.063.200
- Trích trước chi phí đầu tư thị trường	5.000.000.000	-
- Trích trước chi phí sửa chữa thường xuyên	2.437.702.800	-
- Chi phí phải trả khác	2.588.584.693	2.422.616.522
	12.026.287.493	5.098.455.222

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	1.166.308.014	1.280.364.711
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	131.151.334	131.151.334
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.227.666.401	451.184.504.829
+ Phải trả quỹ an sinh	727.009.233	742.965.233
+ Phải trả các đại lý tiền ký quỹ	-	440.902.559.911
+ Phải trả khác	9.500.657.168	9.538.979.685
	11.525.125.749	452.596.020.874
b) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	-	189.598.151.535
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoá chất Miền Nam	-	65.588.177.000
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nghĩa Phát	-	21.643.545.000
- Công ty TNHH Kinh doanh Đầu tư Phát triển Hoàng Phát	-	123.409.785.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD4 (*)	9.430.439.168	9.430.439.168
- Phải trả khác	2.094.686.581	42.925.923.171
	11.525.125.749	452.596.020.874

(*) Khoản tiền bồi thường của Công ty HUD4 còn thừa sau khi bù trừ tiền thuê đất dự án Nhà máy Phân lân NPK Thanh Hóa.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ tiền lương dự phòng	-	12.751.718.757
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	10.418.000.000	-

10.418.000.000 12.751.718.757

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	376.653.480.000	57.250.583.876	3.281.900.000	67.715.916.145	504.901.880.021
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	25.348.857.567	25.348.857.567
Phân phối lợi nhuận	-	20.223.858.052	-	(64.839.242.069)	(44.615.384.017)
Số dư cuối kỳ trước	376.653.480.000	77.474.441.928	3.281.900.000	28.225.531.643	485.635.353.571
Số dư đầu kỳ này	376.653.480.000	77.474.441.928	3.281.900.000	63.771.735.294	521.181.557.222
Lãi trong kỳ này	-	-	-	74.420.629.237	74.420.629.237
Phân phối lợi nhuận	-	18.268.518.365	-	(62.290.747.487)	(44.022.229.122)
Số dư cuối kỳ này	376.653.480.000	95.742.960.293	3.281.900.000	75.901.617.044	551.579.957.337

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2024	60.895.061.218
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	18.268.518.365
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	6.356.881.122
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.000 VND)	37.665.348.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	252.568.870.000	67,06	252.568.870.000	67,06
Công ty TNHH Hoàng Ngân	92.155.970.000	24,47	92.155.970.000	24,47
Cổ đông khác	31.928.640.000	8,47	31.928.640.000	8,47
Tổng cộng	376.653.480.000	100,00	376.653.480.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	376.653.480.000	376.653.480.000
- Vốn góp cuối kỳ	376.653.480.000	376.653.480.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	131.151.334	133.371.959
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	37.665.348.000	37.665.348.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	37.665.348.000	37.665.348.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(37.665.348.000)	(37.665.348.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(37.665.348.000)	(37.665.348.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	131.151.334	133.371.959

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.665.348	37.665.348
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	37.665.348	37.665.348
- Cổ phiếu phổ thông	37.665.348	37.665.348
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.665.348	37.665.348
- Cổ phiếu phổ thông	37.665.348	37.665.348
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	95.742.960.293	77.474.441.928
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.281.900.000	3.281.900.000
	99.024.860.293	80.756.341.928

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký Hợp đồng thuê các kho hàng tại các địa phương (gia hạn hợp đồng hàng năm) để sử dụng với mục đích lưu trữ hàng hóa. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê kho hàng tháng theo đơn giá đã ký kết.

Công ty ký Hợp đồng thuê đất tại Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích sản xuất phân lân. Diện tích sử dụng đất là 85.000 m² với thời hạn là 12 tháng (cấp phép gia hạn hợp đồng hàng năm). Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/06/2025	01/01/2025
- Đô la Mỹ	USD	350.589,86	50.731,76

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán phân lân các loại	1.025.157.622.505	808.612.006.115
Doanh thu bán sản phẩm khác	3.595.759.828	1.220.087.284
	1.028.753.382.333	809.832.093.399
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	167.169.079.100	167.898.437.000

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn phân lân các loại	813.265.470.903	639.421.556.742
Giá vốn bán sản phẩm khác	5.016.505.242	288.268.345
	818.281.976.145	639.709.825.087
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	81.134.104.448	144.747.030.241

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	11.668.219.955	1.070.508.528
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	266.005.719
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	55.205.019	15.654.894
Chiết khấu thanh toán	-	1.437.811.900
	11.723.424.974	2.789.981.041
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	-	1.437.811.900

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	39.250.490	47.106.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	78.057.200	490.538.400
Lãi đặt cọc mua hàng	869.629.000	414.471.000
Chiết khấu thanh toán	-	1.004.295.000
	986.936.690	1.956.410.623
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	-	329.295.000

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.013.136.708	3.442.873.367
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	554.535.779	539.012.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.855.464	188.660.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.163.490.797	99.845.907.874
Chi phí khác bằng tiền	14.673.292.548	14.804.042.624
	99.486.311.296	118.820.496.627
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	22.594.333.200	27.307.198.920

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	16.161.992.820	10.078.536.029
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	978.878.361	952.143.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.476.705	287.816.814
Hoàn nhập dự phòng	(21.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.631.705.174	1.472.232.408
Chi phí khác bằng tiền	7.668.643.419	7.658.171.500
	28.591.696.479	20.448.900.091
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	300.000.000	-

30. THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập khác	16.858.514	20.619.447
	16.858.514	20.619.447
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	-	7.850.000

31. CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	530.513	-
	530.513	-

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	93.025.686.448	31.686.071.959
Thu nhập chịu thuế TNDN	93.025.686.448	31.686.071.959
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	18.605.057.211	6.337.214.392
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	1.763.568.367	13.768.634.026
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(5.615.739.520)	(17.568.864.574)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh	14.752.886.058	2.536.983.844

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.519.720.953	4.519.720.953
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.519.720.953	4.519.720.953

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	74.420.629.237	25.348.857.567
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	74.420.629.237	25.348.857.567
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37.665.348	37.665.348
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.976	673

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	473.593.480.244	457.635.250.265
Chi phí nhân công	89.510.119.165	55.262.624.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.354.092.450	1.883.140.998
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(21.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.154.625.314	101.948.620.822
Chi phí khác bằng tiền	24.977.805.674	34.560.819.494
	699.569.122.847	651.290.455.793

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu xuất khẩu,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	371.755.157.985	-	-	371.755.157.985
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.633.533.941	-	-	16.633.533.941
Các khoản cho vay	365.684.860.441	-	-	365.684.860.441
	754.073.552.367	-	-	754.073.552.367
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.834.501.332	-	-	398.834.501.332
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.875.530.588	-	-	4.875.530.588
Các khoản cho vay	165.684.860.441	-	-	165.684.860.441
	569.394.892.361	-	-	569.394.892.361

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	230.671.476	576.678.687	-	807.350.163
Phải trả người bán, phải trả khác	64.638.807.873	-	-	64.638.807.873
Chi phí phải trả	12.026.287.493	-	-	12.026.287.493
	76.895.766.842	576.678.687	-	77.472.445.529

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	230.671.476	692.014.425	-	922.685.901
Phải trả người bán, phải trả khác	470.054.105.770	-	-	470.054.105.770
Chi phí phải trả	5.098.455.222	-	-	5.098.455.222
	475.383.232.468	692.014.425	-	476.075.246.893

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. THÔNG TIN KHÁC

Các vấn đề tranh chấp pháp lý của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa

- Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển được phê duyệt theo Quyết định phê duyệt dự án số 03/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2015 với tổng mức đầu tư dự kiến là 1.291,6 tỷ VND. Tổng giá trị ước thực hiện của Dự án là 99,99 tỷ VND (Bao gồm chi phí thuê đất và hạ tầng kỹ thuật; Chi phí tư vấn; Chi phí quản lý dự án; Chi phí xây dựng; Chi phí khác).
- Sau khi dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ngày 31/05/2013, Công ty đã ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 (Sau đây gọi tắt là Công ty HUD4) hợp đồng số 05/HĐTĐ-HUD4 để thuê lại đất tại Khu B - Khu Công nghiệp Bim Sơn để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển.
- Ngày 30/11/2013, Công ty HUD 4 đã bàn giao mặt bằng cho Công ty với tổng diện tích là 227.020 m2.
- Tuy nhiên, do vướng mắc của Công ty HUD4 liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch của tỉnh Thanh Hóa đối với Khu Công nghiệp Bim Sơn, nên Công ty HUD4 chưa bàn giao được đủ diện tích thuê còn lại theo hợp đồng, chưa hoàn thành thủ tục để Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của khu đất cho thuê. Do đó, ngày 06/01/2022, Công ty đã nộp đơn khởi kiện Công ty HUD4 tại Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Ngày 05/09/2022, Công ty đã nhận được Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Ngày 18/10/2022, Công ty và Công ty HUD4 đã làm việc và ký kết biên bản về việc thống nhất nội dung dự thảo hợp đồng thuê đất mới và đối trừ công nợ để thực hiện Bản án số 03. Đến ngày 01/11/2022, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 81/NQ-HĐQT về việc Thông qua chủ trương ký kết hợp đồng thuê đất mới với Công ty HUD4. Tuy nhiên, do phía Công ty HUD4 không thực hiện, nên đến nay giữa hai Công ty vẫn chưa ký lại hợp đồng thuê đất như đã thống nhất cũng như Hợp đồng nguyên tắc đã ký trước khi Tòa xét xử.
- Đến ngày 31/5/2023, Công ty đã nhận được Quyết định số 135/QĐ-BQLKKTNS & KCN ngày 18/5/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; và Quyết định số 140/QĐ-BQLKKTNS& KCN ngày 18/5/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Chi tiết diễn biến và kết quả tranh chấp như sau:

a) Kết quả vụ kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 và việc thi hành án

- Ngày 05/09/2022, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã tuyên xử Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST (Bản án số 03) với các nội dung chính như sau:
- + Tuyên bố vô hiệu hợp đồng số 05/HĐTĐ-HUD4 ngày 31/05/2013 và buộc Công ty phải hoàn trả cho Công ty HUD4 toàn bộ diện tích đã bàn giao là 227.020 m² do ký kết hợp đồng trái quy định pháp luật (Công ty HUD4 cho thuê đất trong khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);
- + Buộc Công ty HUD4 hoàn trả cho Công ty tổng cộng số tiền là 74,85 tỷ VND; Công nhận đề nghị đối trừ các khoản này sang các nghĩa vụ phát sinh nếu hai bên ký kết được hợp đồng mới.
- Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 03/01/2024; Ngày 06/5/2024, Công ty đã gửi Đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục Thi hành án thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để yêu cầu thi hành Bản án số 03 theo quy định của pháp luật.
- Ngày 07/5/2024, Chi cục Thi hành án thị xã Bim Sơn đã ban hành Quyết định số 328/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo yêu cầu; Quyết định cho thi hành án với Công ty HUD4 theo các phán quyết của Tòa tại Bản án số 03. Theo đó, buộc Công ty HUD4: Phải thanh toán cho Công ty số tiền là 74,85 tỷ VND và lãi suất do Ngân hàng quy định tương ứng với số tiền gốc chậm trả (Số tiền gốc chậm trả: 66,50 tỷ VND) trong thời gian chưa thi hành án (Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự). Số tiền thu hồi được từ việc thi hành án nêu trên sau khi trừ đi số tiền gốc đã chi trả tiền thuê đất ban đầu đang được phản ánh trên khoản mục phải trả khác là 9,43 tỷ đồng (Thuyết minh số 20).

b) Thực hiện việc triển khai thủ tục Giám đốc thẩm đối với một phần nội dung Bản án số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/09/2022

- Do Dự án của Công ty đã bị Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kể từ ngày 18/5/2023, do đó để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, ngày 01/12/2023 Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 88/NQ-HĐQT về việc tiếp tục triển khai thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án số 03/2022/KDTM.
- Hiện nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã thụ lý giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Bản án số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo Thông báo số 209/2023/TB-TA ngày 13/11/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

c) Công ty tiếp tục khởi kiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 yêu cầu bồi thường thiệt hại do Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ-HUD4

- Ngày 03/01/2024 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT về việc tiếp tục khởi kiện Công ty HUD4, yêu cầu bồi thường thiệt hại do Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ-HUD4 ngày 31/5/2013 bị tuyên vô hiệu.
- Ngày 06/5/2024, Công ty đã làm Đơn khởi kiện Công ty HUD4 về việc đòi bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu, yêu cầu bồi thường chi phí đã đầu tư trên đất với tổng số tiền khoảng 43,88 tỷ VND (Bao gồm chi phí thực hiện dự án được trình bày tại Thuyết minh số 10 và tiền lãi tương ứng).
- Ngày 20/06/2024, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã ra Thông báo thụ lý vụ án số 08/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án kinh doanh thương mại "Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu".
- Ngày 10/09/2024, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã ra Thông báo số 08a/TB-TLVA về việc thụ bổ sung thụ lý vụ án kinh doanh thương mại "Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu", trong đó buộc Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Công ty HUD4 tổng số tiền là 2.059.584.796 VND (bao gồm tiền thuê đất thô, tiền thuê hạ tầng và phí duy tu, bảo dưỡng).
- Ngày 23/12/2024, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã ra Thông báo thụ lý vụ án số 20/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án kinh doanh thương mại "Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu".
- Ngày 05/03/2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT về việc Thông qua rút đơn khởi kiện Công ty HUD4 và văn bản chuẩn bị cho việc ký biên bản ghi nhớ thuê đất để triển khai dự án di dời nhà máy và phát triển Công ty.
- Ngày 21/03/2025, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn đưa ra Quyết định số 05/2025/QĐST-KDTM về việc quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh thương mại số 20/TB-TLVA ngày 23/12/2024.

d) Công ty ký hợp đồng sơ bộ với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 để định hướng tái triển khai Dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Khu đất CN7 - Khu B, KCN Bim Sơn

Ngày 26/06/2025, Công ty cùng với Công ty HUD4 đã ký kết Hợp đồng sơ bộ về việc thuê lại đất gắn với kết cấu Hạ tầng kỹ thuật lô CN7 dự án Khu B - KCN Bim Sơn để xây dựng Dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển với các nội dung chính như sau:

- Vị trí khu đất: Lô đất CN7 thuộc bản vẽ mặt bằng quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/2000 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 19/07/2021.
- Điều kiện ký hợp đồng chính thức: khi Công ty được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án;
- Thời điểm ký hợp đồng chính thức: 26/08/2025 (hoặc theo ngày cơ quan thẩm quyền hẹn trả kết quả cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án nhưng không quá 30 ngày sau ngày 26/08/2025);
- Diện tích khu đất: 225.421,1 m²;
- Thời hạn thuê: đến hết ngày 24/09/2058;
- Đơn giá thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê: 1.347.000 đồng/m² (Trường hợp hợp đồng chính thức ký kết sau ngày 26/08/2025, đơn giá thuê đất sẽ được thỏa thuận lại theo quy định của bên cho thuê);
- Đặt cọc tiền thuê: 45 tỷ đồng (trong vòng 07 ngày kể từ khi ký hợp đồng, Công ty đã chuyển khoản cho Công ty HUD4 số tiền này vào ngày 01/07/2025);

Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty chưa ghi nhận khoản tổn thất nào đối với Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã thực hiện (Số tiền thực chi là 24,416 tỷ VND) đối với dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa.

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Sản phẩm Phân lân nung chảy	Sản phẩm NPK các loại	Sản phẩm khác: cân thuê, vỏ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	848.442.597.080	176.715.025.425	3.475.231.578	1.028.632.854.083
Giá vốn	661.941.931.945	151.323.538.958	5.016.505.242	818.281.976.145
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	186.500.665.135	25.391.486.467	(1.541.273.664)	210.350.877.938
Tài sản bộ phận	10.761.707.618	10.990.742.401	21.316.132.481	43.068.582.500
Tài sản không phân bổ		-	-	890.018.208.757
Tổng tài sản	10.761.707.618	10.990.742.401	21.316.132.481	933.086.791.257

	Sản phẩm Phân lân nung chảy	Sản phẩm NPK các loại	Sản phẩm khác: cân thuê, vỏ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả không phân bỏ	-	-	-	381.506.833.920
Tổng nợ phải trả	-	-	-	381.506.833.920

Theo khu vực địa lý:

	Miền Bắc	Miền Trung, Tây Nguyên, Miền Nam	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	150.621.652.340	868.321.648.563	9.689.553.180	1.028.632.854.083
Công ty bán hàng cho các khách hàng trên cả nước và không phân tách theo dõi chi tiết tài sản, nợ phải trả theo khu vực địa lý.				

40. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty TNHH Hoàng Ngân
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hóa chất miền Nam
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	167.169.079.100	167.898.437.000
Công ty TNHH Hoàng Ngân	59.784.625.000	26.235.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hóa chất miền Nam	107.384.454.100	167.872.202.000
Mua hàng	81.134.104.448	144.747.030.241
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	81.134.104.448	64.779.642.941
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	79.967.387.300
Chi trả cổ tức bằng tiền	34.472.484.000	34.472.484.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	25.256.887.000	25.256.887.000
Công ty TNHH Hoàng Ngân	9.215.597.000	9.215.597.000

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu tài chính - chiết khấu thanh toán	-	1.437.811.900
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	1.437.811.900
Chi phí tài chính - chiết khấu thanh toán	-	329.295.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hóa chất miền Nam	-	329.295.000
Chi phí bán hàng	22.594.333.200	27.307.198.920
Công ty TNHH Hoàng Ngân	22.422.193.200	26.371.546.920
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hóa chất miền Nam	89.640.000	935.652.000
Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật Hóa Chất	82.500.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	300.000.000	-
Thu nhập khác	-	7.850.000
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	7.850.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị			
- Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch	99.000.000	68.500.000
- Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên	93.000.000	58.300.000
- Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025)	15.950.000	-
- Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025)	27.050.000	58.300.000
		235.000.000	185.100.000
Thù lao thành viên Ban kiểm soát			
- Nguyễn Thị Mạch	Trưởng ban	401.638.447	280.402.698
- Nguyễn Thị Sơn	Thành viên	35.500.000	47.920.000
- Nguyễn Thị Vân Hoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2024)	-	27.920.000
- Nguyễn Xuân Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2024)	35.500.000	17.000.000
		472.638.447	373.242.698

Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

- Văn Hồng Sơn	Tổng Giám đốc	1.032.595.425	528.047.154
- Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc	562.998.208	284.872.207
- Nghiêm Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2024)	549.829.877	-
- Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	591.270.618	327.107.737
		2.736.694.128	1.140.027.098

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Sen

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc

Văn Hồng Sơn

Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Ngày 06 tháng 08 năm 2025

Kính gửi:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc: Cát Thị Hà

Số 1 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thưa Quý vị,

THƯ GIẢI TRÌNH

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến dịch vụ soát xét báo cáo tài chính của Quý vị đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ của chúng tôi cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 nhằm mục đích đưa ra kết luận về việc liệu có vấn đề gì khiến quý vị cho rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ này không phản ánh trung thực hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Chúng tôi xác nhận trách nhiệm của chúng tôi về việc *lập*, trình bày *trung thực* và hợp lý báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xác nhận rằng:

TỔNG THỂ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán và soát xét số 0807/HĐTC.KT7 ngày 08/07/2025, đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ được chúng tôi xây dựng và duy trì nhằm đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Chúng tôi đã thông báo cho Quý vị biết về những đánh giá của chúng tôi về rủi ro mà Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.
3. Tất cả các giao dịch đã được chúng tôi ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo đúng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.
4. Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.
5. Tất cả các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng đều đã được chúng tôi điều chỉnh và thuyết minh.
6. Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán bằng cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.
7. Chúng tôi đã xem xét tất cả các bút toán đề nghị điều chỉnh của Quý vị và đã ghi nhận các bút toán điều chỉnh này vào báo cáo. Còn một số bút toán chúng tôi không điều chỉnh do ảnh hưởng của các sai sót đó, xét riêng lẻ hay tổng hợp lại, đều không là trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính của chúng tôi. Danh sách bút toán chúng tôi chưa điều chỉnh đính kèm với Thư giải trình này.

CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

8. Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được chúng tôi giải thích và thuyết minh một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

9. Các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm:

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Hoàng Ngân	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hóa chất miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Cùng Công ty mẹ với Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Công ty con của Công ty mẹ
Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	Công ty con của Công ty mẹ
Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

TÀI SẢN

10. Công ty chúng tôi có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp, ngoài các tài sản thế chấp đã thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

11. Chúng tôi không có kế hoạch dừng sản xuất bất kỳ dòng sản phẩm nào có thể dẫn đến bất kỳ hàng tồn kho dư thừa hoặc quá hạn ngoài các hàng tồn kho quá hạn do không có đơn đặt hàng bán hàng trong tương lai mà chúng tôi đã trích lập dự phòng đầy đủ. Không có bất kỳ hàng tồn kho nào được ghi nhận theo giá trị vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.

12. Mọi giao dịch bán đều đã được chốt và không có bất cứ một thỏa thuận biệt lập nào với khách hàng, hoặc một điều khoản bán hàng nào, cho phép trả lại hàng đã bán, ngoại trừ trường hợp hàng bị hư hỏng hoặc điều kiện khác thường được áp dụng trong trường hợp bảo hành.

13. Không có các thỏa thuận về việc bồi thường nào có liên quan đến các tài khoản tiền và các khoản đầu tư của chúng tôi. Ngoại trừ những nội dung đã được công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi hiện không có các thỏa thuận về tín dụng nào khác.

14. Tại ngày 30/06/2025, chúng tôi đã thực hiện việc rà soát và gửi đối chiếu công nợ đến các khách hàng, nhà cung cấp của chúng tôi. Tuy nhiên, do đặc thù khách hàng và nhà cung cấp ở trong và ngoài nước dẫn đến việc đối chiếu công nợ gặp nhiều khó khăn. Chúng tôi cam kết số liệu phản ánh trên giá trị sổ sách là hoàn toàn phù hợp theo tình hình thực tế nghĩa vụ phải thu và nghĩa vụ phải trả liên quan đến các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả nhà cung cấp chưa có đầy đủ đối chiếu. Đồng thời, chúng tôi cam kết toàn bộ việc ghi nhận doanh thu, các khoản phải thu trong kỳ là đúng theo quy định của pháp luật.

15. Chúng tôi đã thực hiện tổ chức kiểm kê Hàng tồn kho, Tài sản cố định và Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 30/06/2025, chúng tôi cam kết tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của Hàng tồn kho, Tài sản cố định và Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã kiểm kê phù hợp với số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025.

16. Các khoản chi phí trả trước và chi phí phải trả trên Bảng cân đối kế toán được chúng tôi ghi nhận trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu và khả năng chắc chắn phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Về Dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điền tại Thanh Hóa, đến nay chúng tôi đã thu hồi số tiền thuê hạ tầng kỹ thuật đang ghi nhận số dư trên tài khoản 242, một phần tiền lãi từ Công ty HUD4 theo bản án số 03/2022/KDTM của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn và khoản chi phí san nền khu đất dự án tập hợp trên tài khoản 241 dự kiến sẽ xử lý được các khoản này trong năm 2025. Đồng thời, chúng tôi đã đạt được thỏa thuận sơ bộ với Công ty HUD4 để tiếp tục thuê đất và cơ sở hạ tầng trên đất phục vụ

Dự án nhà máy NPK Thanh Hóa đang được xin cấp phép đầu tư từ các đơn vị có thẩm quyền. Đối với các chi phí Công ty chúng tôi đã bỏ ra để thực hiện dự án này, gồm chi phí lập dự án, chi phí san nền và thi công hồ dẽm, chi phí ban quản lý dự và một số khoản chi phí khác với tổng giá trị 24,4 tỷ VND được chúng tôi ghi nhận trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn. Chúng tôi đánh giá sẽ không có tổn thất cần ghi nhận liên quan đến dự án này và cam kết chịu mọi trách nhiệm (nếu phát sinh) liên quan đến các đánh giá này.

NỢ PHẢI TRẢ, CÁC CAM KẾT VỀ NGHĨA VỤ PHẢI TRẢ

18. Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng và đã trình bày tất cả các khoản bảo lãnh cho bên thứ ba và các bên liên quan của Công ty trên các báo cáo tài chính.
19. Tại thời điểm 30/06/2025, chúng tôi đang thực hiện trích trước chi phí thường sáng kiến và chi phí đền bù tai nạn lao động cho nhân viên đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và dựa trên căn cứ hồ sơ chứng từ các phòng ban phụ trách kèm theo quy chế nội bộ của Công ty. Chúng tôi đánh giá việc trích trước các khoản chi phí này phù hợp với đặc điểm thực tế hoạt động kinh doanh của chúng tôi và sẽ chịu mọi trách nhiệm về các vấn đề (nếu phát sinh) liên quan đến nghiệp vụ này.
20. Tại thời điểm 30/06/2025, chúng tôi đang thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn trong năm đã được Tập đoàn Hóa chất phê duyệt kế hoạch chi phí sửa chữa lớn trong năm 2025 và tương ứng với sản lượng thực hiện 6 tháng đầu năm so với sản lượng kế hoạch cả năm 2025. Chúng tôi đánh giá việc trích trước các khoản chi phí này phù hợp với đặc điểm thực tế hoạt động kinh doanh của chúng tôi, chế độ kế toán hiện hành và sẽ chịu mọi trách nhiệm về các vấn đề (nếu phát sinh) liên quan đến nghiệp vụ này.
21. Chúng tôi đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả đã phát sinh, tất cả các khoản nợ tiềm tàng và các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ ba.
22. Các khoản dự phòng đối với những thiệt hại có thể xảy ra do các vụ kiện, khiếu nại từ bên thứ ba hoặc các hợp đồng khác đã được ghi nhận đầy đủ trên Báo cáo tài chính. Ngoại trừ các khoản đã nêu trong Báo cáo tài chính, không có bất kỳ một nghĩa vụ nợ nào khác được đảm bảo, cầm cố bằng tài sản của Công ty chúng tôi tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CUNG CẤP THÔNG TIN

23. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý vị:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
 - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích soát xét báo cáo tài chính;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập thông tin cần thiết cho công việc soát xét.
24. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị các kết quả đánh giá của chúng tôi về rủi ro báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.
25. Tất cả các giao dịch đã được ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
26. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các thông tin liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận mà chúng tôi biết và có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến:
 - Ban Tổng Giám đốc;
 - Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc
 - Các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VẮN ĐIỀN
Thư giải trình cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

27. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các thông tin liên quan đến các cáo buộc gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị mà chúng tôi được thông báo từ các nhân viên, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.
28. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các trường hợp không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
29. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.

Trân trọng kính chào,



Nguyễn Thị Sen
Kế toán trưởng

DANH MỤC BÚT TOÁN KHÔNG ĐỒNG Ý ĐIỀU CHỈNH

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền (VND)
1	Phân loại chi phí trả trước ngắn hạn – dài hạn	2421	2422	3.399.100
2	Điều chỉnh tăng phân bổ chi phí trả trước	627	2422	2.728.175
3	Điều chỉnh tăng phân bổ chi phí trả trước	642	2421	1.737.219
4	Điều chỉnh tài khoản phân bổ chi phí Khấu hao Tài sản cố định	632	642	132.840.000
5	Phân loại lại tài khoản hạch toán chi phí	241	642	784.444.444
6	Điều chỉnh thuế đầu vào được khấu trừ	133	642	32.113.084
7	Điều chỉnh trích trước chi phí thưởng sáng kiến	335	627	2.000.000.000
8	Điều chỉnh trích trước chi phí bồi thường TNLĐ	335	642	80.000.000